

Số: 04/2025/QĐST - HNGĐ

Phú Thọ, ngày 26 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ chị Quách Thị H, sinh năm 1990

+ anh Bùi Văn L, sinh năm 1987

Cùng ĐKTT: thôn R, xã L, tỉnh Phú Thọ (trước là thôn R, xã K, huyện L, tỉnh Hòa Bình).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Chị Quách Thị H và anh Bùi Văn L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 25/5/2011. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh L tại thôn R, xã K, thời gian đầu có hạnh phúc. Nhưng gần đây vợ chồng thường xuyên bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách và lối sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị H, anh L đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa công nhận thuận tình ly hôn.

Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Chị Quách Thị H và anh Bùi Văn L có 03 con chung là Bùi Minh Q, sinh ngày 26/6/2012, Bùi Hương G, sinh ngày 26/9/2014, Bùi Minh K, sinh ngày 16/3/2020. Hai anh chị thỏa thuận:

Giao cháu Bùi Minh Q và Bùi Hương G cho anh Bùi Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Giao cháu Bùi Minh K cho chị Quách Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Chị Quách Thị H và anh Bùi Văn L có quyền thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị H, anh L thỏa thuận chị H nộp toàn bộ tạm ứng lệ phí, lệ phí tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Quách Thị H, sinh năm 1990 và anh Bùi Văn L, sinh năm 1987.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Quách Thị H và anh Bùi Văn L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 26/6/2012 và Bùi Hương G, sinh ngày 26/9/2014 cho anh Bùi Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Giao cháu Bùi Minh K, sinh ngày 16/3/2020 cho chị Quách Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Chị Quách Thị H và anh Bùi Văn L có quyền thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và công sức đóng góp*: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về Lệ phí Tòa án*: Chị Quách Thị H nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí công nhận thuận tình ly hôn. Đối trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số: 0002162 ngày 10/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Quách Thị H đã nộp xong lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 17 – Phú Thọ
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã L, tỉnh Phú Thọ
(Nơi đăng ký kết hôn)
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hường

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngày tháng năm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*⁽⁶⁾.....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)